

Số: **249** /PCTT-VPĐK-ĐK

TP.HCM, ngày **30** tháng **1** năm 2025

PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN
ĐỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI

Kính gửi: Thuế cơ sở 2 Thành phố Hồ Chí Minh.

I. THÔNG TIN VỀ HỒ SƠ THỦ TỤC ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI (theo danh sách đính kèm 32 hồ sơ) 1.1. Mã hồ sơ: Biên nhận số 706, 707, 709-717, 719, 721, 723, 724, 726-741, 744. 1.2. Ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ: 23/7/2025.
II. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT: (theo danh sách đính kèm 32 hồ sơ) 2.1. Tên: 2.2. Địa chỉ:..... 2.3. Số điện thoại liên hệ:..... Email (nếu có):..... 2.4. Mã số thuế (nếu có):..... 2.5. Giấy tờ nhân thân/pháp nhân: Số.....; ngày cấp:..... nơi cấp... .. 2.6. Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính: Cấp Giấy chứng nhận cho người mua nhà trong dự án phát triển nhà ở.
III. THÔNG TIN VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT 3.1. Thông tin về đất: 3.1.1. Thửa đất số: 15; Tờ bản đồ số: 95; 3.1.2. Địa chỉ tại: Khu căn hộ Sài Gòn Gateway, số 702 Võ Nguyên Giáp, phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh; 3.1.3. Giá đất: 64.800.000 đồng/m ² (đường Song hành Xa lộ Hà Nội/Cầu Rạch Chiếc đến Ngã tư Thủ Đức) - Giá đất theo bảng giá (đối với trường hợp áp dụng giá đất theo bảng giá):.....m ² . - Giá đất cụ thể:.....m ² . - Giá trúng đấu giá:.....m ² . - Giá đất trước khi chuyển mục đích sử dụng đất:..... 3.1.4 Diện tích thửa đất: 8.316,9 m ² - Diện tích sử dụng chung: 8.316,9 m ² - Diện tích sử dụng riêng:m ² - Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất:.....m ² - Diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất (tiền thuê đất):.....m ² - Diện tích đất trong hạn mức:.....m ² - Diện tích đất ngoài hạn mức:.....m ² 3.1.5. Nguồn gốc sử dụng đất:..... 3.1.6. Mục đích sử dụng đất: đất ở đô thị

3.1.7. Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài
 3.1.8. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất từ ngày:...../...../.....;
 3.1.9. Hình thức sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.
 3.1.10. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT77765 ngày 06 tháng 5 năm 2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) cấp.

3.2. Thông tin về tài sản gắn liền với đất: (theo danh sách đính kèm 32 hồ sơ)

- 3.2.1. Loại nhà ở, công trình:; cấp hạng nhà ở, công trình: -/- ;
 3.2.2. Diện tích sử dụng: m²;
 3.2.3. Diện tích sàn xây dựng: m²;
 3.2.4. Hình thức sở hữu: sở hữu chung;
 3.2.5. Số tầng: Khối A: 24 tầng + 02 hầm; Khối B: 25 tầng + 02 hầm
 3.2.6. Nguồn gốc: -/-
 3.2.7. Năm hoàn thành xây dựng: 2019;
 3.2.8. Thời hạn sở hữu đến: -/- năm.

Kết cấu: Tường gạch, cột BTCT, sàn BTCT, mái BTCT.

IV. THÔNG TIN VỀ NHU CẦU GHI NỢ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH

- Tiền sử dụng đất:.....
 - Lệ phí trước bạ:.....

V. NHỮNG GIẤY TỜ KÈM THEO DO NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT NỘP

Đính kèm danh sách hồ sơ của người mua đề nghị cấp Giấy chứng nhận gồm:

- Đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận;
- Biên bản bàn giao;
- Hợp đồng mua bán căn hộ;
- Bản vẽ sơ đồ căn hộ chung cư.

Ghi chú: Công ty Cổ phần Bất động sản Hiệp Phú Land và người mua cung cấp thêm các chứng từ liên quan (nếu có) để Thuế cơ sở 2 Thành phố Hồ Chí Minh xác định nghĩa vụ tài chính cho các bên theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Sở NN&MT (để b/c);
- Trung tâm CNTT (để đăng tin);
- Công ty CP BĐS Hiệp Phú Land;
- Người mua nhà theo danh sách;
- Lưu: VT, ĐK.Đ.

BN:706/25(32hs)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Thành Phương

DANH SÁCH 32 HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN TẠI DỰ ÁN KHU CÁN HỘ SAIGON GATEWAY
SỐ 702 ĐƯỜNG VÕ NGUYỄN GIÁP, PHƯỜNG TÀNG NHƠN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Đính kèm Phiếu chuyển số:/PC-VPĐK-ĐK ngày 14/7/2025 của Văn phòng ĐKĐĐT

STT	Biên nhận	Họ và tên khách hàng	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn hộ theo Quyết định cấp số nhà	Diện tích sàn sử dụng (m2)	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Giá trị Hợp đồng (đã bao gồm VAT) (đ)	Ngày kí Hợp đồng	Hình thức sở hữu
1	792684212025000706	Ông: LÊ VĂN CHÍNH Năm sinh: 1978; CCCD số: 045078000947 Bà: VÕ THỊ HUƠNG LIÊM Năm sinh: 1982; CCCD số: 075182002626	B-20-07	Căn hộ số 20.07, Tầng 20, Lô B	58.9	65.9	1,384,320,000	12/08/2019	Sở hữu chung
2	792684212025000707	Ông: PHẠM MINH KÍNH Năm sinh: 1982; CCCD số: 036082015867 Bà: CAO THỊ THÚY Năm sinh: 1982; CCCD số: 036082010343	A-23-01	Căn hộ số 23.01, Tầng 23, Lô A	60.1	65.90	1,904,976,095	19/11/2018	Sở hữu chung
3	792684212025000709	Ông: PHẠM ĐÌNH HÀNG Năm sinh: 1964; CCCD số: 052064018270 Bà: VÕ THỊ VIỆT Năm sinh: 1964; CCCD số: 052164015394	A-19-10	Căn hộ số 19.10, Tầng 19, Lô A	60.0	66.3	1,927,376,000	20/01/2018	Sở hữu chung
4	792684212025000710	Ông: NGUYỄN VINH THÀNH Năm sinh: 1978; CCCD số: 089078006622 Bà: LỮ PHƯƠNG HẰNG Năm sinh: 1986; CCCD số: 082186002624	A-18-16	Căn hộ số 18.16, Tầng 18, Lô A	50.0	55.5	1,644,125,000	20/01/2018	Sở hữu chung
5	792684212025000711	Ông: NGUYỄN VINH THÀNH Năm sinh: 1978; CCCD số: 089078006622 Bà: LỮ PHƯƠNG HẰNG Năm sinh: 1986; CCCD số: 082186002624	A-17-14	Căn hộ số 17.14, Tầng 17, Lô A	60.1	67.3	1,908,997,000	20/01/2018	Sở hữu chung
6	792684212025000712	Ông: PHAN MINH TUẤN Năm sinh: 1972; CCCD số: 048072010135	A-17-06	Căn hộ số 17.06, Tầng 17, Lô A	60.1	65.9	1,889,799,000	20/01/2018	Sở hữu riêng
7	792684212025000713	Ông: NGUYỄN HỒNG LIÊM Năm sinh: 1981; CCCD số: 060081000837 Bà: NGUYỄN HOÀNG YẾN Năm sinh: 1985; CCCD số: 079185015725	A-05-11	Căn hộ số 5.11, Tầng 5, Lô A	47.9	53.3	1,365,609,800	20/01/2018	Sở hữu chung
8	792684212025000714	Ông: NGUYỄN NINH Năm sinh: 1950; CCCD số: 045050000007	A-11-04	Căn hộ số 11.04, Tầng 11, Lô A	60.1	65.9	1,853,405,000	20/01/2018	Sở hữu riêng

4/4

STT	Biên nhận	Họ và tên khách hàng	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn hộ theo Quyết định cấp số nhà	Diện tích sàn sử dụng (m ²)	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Giá trị Hợp đồng (đã bao gồm VAT)	Ngày kí Hợp đồng	Hình thức sở hữu
9	792684212025000715	Ông: CHÂU VĂN KHUYẾN Năm sinh: 1981; CCCD số: 091081013037 Bà: NGUYỄN THỊ THÚY NGÀ Năm sinh: 1986; CCCD số: 072186012840	A-03-11	Căn hộ số 3.11, Tầng 3, Lô A	47.9	53.3	1,449,416,000	20/01/2018	Sở hữu chung
10	792684212025000716	Ông: NGUYỄN VINH THÀNH Năm sinh: 1978; CCCD số: 089078006622 Bà: LỮ PHƯƠNG HẰNG Năm sinh: 1986; CCCD số: 082186002624	A-12B-11	Căn hộ số 12A.11, Tầng 12A, Lô A	47.9	53.3	1,452,061,000	20/01/2018	Sở hữu chung
11	792684212025000717	Ông: BÙI QUANG TRIỆU Năm sinh: 1986; CCCD số: 051086000011 Bà: PHẠM THỊ VĂN Năm sinh: 1986; CCCD số: 052186000029	A-22-03	Căn hộ số 22.03, Tầng 22, Lô A	82.1	90.9	2,719,318,000	20/01/2018	Sở hữu chung
12	792684212025000719	Ông: TRẦN VĂN THĂNG Năm sinh: 1983; CCCD số: 038083025021 Bà: LÊ THỊ LAN Năm sinh: 1987; CCCD số: 038187004172	A-06-06	Căn hộ số 6.06, Tầng 6, Lô A	60.1	65.9	1,789,532,000	20/01/2018	Sở hữu chung
13	792684212025000721	Ông: NGUYỄN THANH VINH Năm sinh: 1981; CCCD số: 034081006881 Bà: TRƯƠNG THỊ KIM LIÊN Năm sinh: 2001; CCCD số: 075301009616	B-23-17	Căn hộ số 23.17, Tầng 23, Lô B	60.0	66.3	1,881,416,000	20/01/2018	Sở hữu chung
14	792684212025000723	Ông: NGUYỄN ĐỨC QUYẾT Năm sinh: 1987; CCCD số: 089087012924 Bà: NGUYỄN VŨ BẢO TRÂM Năm sinh: 1985; CCCD số: 079185023126	B-23-03	Căn hộ số 23.03, Tầng 23, Lô B	60.1	65.9	1,900,505,000	20/01/2018	Sở hữu chung
15	792684212025000724	Ông: NGUYỄN THÀNH HOÀNG Năm sinh: 1984; CCCD số: 052084000425 Bà: NGUYỄN THỊ TỎ LAN Năm sinh: 1985; CCCD số: 087185000643	B-21-20	Căn hộ số 21.20, Tầng 21, Lô B	82.1	90.9	2,804,579,000	05/03/2020	Sở hữu chung
16	792684212025000726	Ông: BÙI QUANG TRIỆU Năm sinh: 1986; CCCD số: 051086000011 Bà: PHẠM THỊ VĂN Năm sinh: 1986; CCCD số: 052186000029	B-19-07	Căn hộ số 19.07, Tầng 19, Lô B	58.9	65.9	2,056,027,831	12/05/2018	Sở hữu chung
17	792684212025000727	Ông: NGUYỄN VĂN NINH Năm sinh: 1988; CCCD số: 042088011081 Bà: NGUYỄN THỊ THÚY DUNG Năm sinh: 1988; CCCD số: 042188001257	B-19-05	Căn hộ số 19.05, Tầng 19, Lô B	60.1	65.9	1,891,496,000	20/01/2018	Sở hữu chung

STT	Biên nhận	Họ và tên khách hàng	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn hộ theo Quyết định cấp số nhà	Diện tích sàn sử dụng (m2)	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Gia trị Hợp đồng (đã bao gồm VAT) (đ)	Ngày kí Hợp đồng	Hình thức sở hữu
18	792684212025000728	Ông: NGUYỄN VINH THÀNH Năm sinh: 1978; CCCD số: 089078006622 Bà: LỮ PHƯƠNG HẠNG Năm sinh: 1986; CCCD số: 082186002624	B-17-21	Căn hộ số 17.21, Tầng 17, Lô B	60.1	66.5	1,873,477,000	25/05/2018	Sở hữu chung
19	792684212025000729	Ông: HUỖNH TẤN PHÚC Năm sinh: 1979; CCCD số: 051076015802 Bà: NGÔ THỊ LAN Năm sinh: 1976; CCCD số: 038179024243	B-15-05	Căn hộ số 15.05, Tầng 15, Lô B	60.1	65.9	1,855,459,000	20/01/2018	Sở hữu chung
20	792684212025000730	Ông: HÀ QUANG TÁ Năm sinh: 1981; CCCD số: 052081016183 Bà: NGUYỄN THỊ HIỆU Năm sinh: 1981; CCCD số: 038181037212	B-14-10	Căn hộ số 14.10, Tầng 14, Lô B	58.9	65.9	1,846,449,000	20/01/2018	Sở hữu chung
21	792684212025000731	Ông: LÊ CHÍ TRỌNG Năm sinh: 1970; CCCD số: 060070002886 Bà: VŨ THỊ HỒNG Năm sinh: 1970; CCCD số: 034170019058	B-10-08	Căn hộ số 10.08, Tầng 10, Lô B	60.1	65.9	1,881,979,000	20/01/2018	Sở hữu chung
22	792684212025000732	Ông: TRẦN HỒNG SÂM Năm sinh: 1973; CCCD số: 001073005465	B-08-14	Căn hộ số 08.14, Tầng 08, Lô B	48.0	53.3	1,459,350,000	08/02/2018	Sở hữu riêng
23	792684212025000733	Ông: BÙI QUANG TRIỆU Năm sinh: 1986; CCCD số: 051086000011 Bà: PHẠM THỊ VÂN Năm sinh: 1986; CCCD số: 052186000029	B-07-10	Căn hộ số 07.10, Tầng 07, Lô B	58.9	65.9	1,801,402,000	20/01/2018	Sở hữu chung
24	792684212025000734	Bà: VƯƠNG THỊ VỸ DẠ Năm sinh: 1984; CCCD số: 060184011910	B-05-05	Căn hộ số 05.05, Tầng 05, Lô B	60.1	65.9	1,783,384,000	20/01/2018	Sở hữu riêng
25	792684212025000735	Ông: PHẠM TỐI Năm sinh: 1965; CCCD số: 051065000178 Bà: HỒ THỊ THANH NGÀ Năm sinh: 1971; CCCD số: 079171006806	B-03-18	Căn hộ số 3.18, Tầng 3, Lô B	60.1	65.9	1,729,863,000	20/01/2018	Sở hữu chung
26	792684212025000736	Ông: PHAN QUỐC TOÀN Năm sinh: 1967; CCCD số: 054067009292 Bà: NGUYỄN THỊ PHƯƠNG KHÁNH Năm sinh: 1974; CCCD số: 080174000839	B-03-11	Căn hộ số 3.11, Tầng 3, Lô B	62.6	71.2	1,835,480,000	20/01/2018	Sở hữu chung
27	792684212025000737	Ông: HUỖNH VĂN NGHIÊM Năm sinh: 1971; CCCD số: 095071000392 Bà: NGUYỄN THỊ KIỀU LOAN Năm sinh: 1975; CCCD số: 095175000161	B-03-08	Căn hộ số 3.08, Tầng 3, Lô B	60.1	65.9	1,711,579,000	20/01/2018	Sở hữu chung

STT	Biên nhận	Họ và tên khách hàng	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn hộ theo Quyết định cấp số nhà	Diện tích sàn sử dụng (m2)	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Giá trị Hợp đồng (đã bao gồm VAT)	Ngày kí Hợp đồng	Hình thức sở hữu
28	792684212025000738	Ông: NGUYỄN VINH THÀNH Năm sinh: 1978; CCCD số: 089078006622 Bà: LỮ PHƯƠNG HÀNG Năm sinh: 1986; CCCD số: 082186002624	B-03-02	Căn hộ số 3.02, Tầng 3, Lô B	60.1	65.9	1,747,436,000	20/01/2018	Sở hữu chung
29	792684212025000739	Bà: NGUYỄN THANH TUYẾN Năm sinh: 1993; CCCD số: 079193017037	B-03-01	Căn hộ số 3.01, Tầng 3, Lô B	60.1	66.5	1,747,436,000	20/01/2018	Sở hữu riêng
30	792684212025000740	Ông: NGUYỄN ĐĂNG KHOA Năm sinh: 1978; CCCD số: 086078012673 Bà: NGUYỄN THỊ HẢI VÂN Năm sinh: 1974; CCCD số: 092174009031	B-02-19	Căn hộ số 2.19, Tầng 2, Lô B	82.1	90.9	2,515,842,645	28/02/2018	Sở hữu chung
31	792684212025000741	Ông: NGUYỄN THANH TRIỀU Năm sinh: 1980; CCCD số: 051080000175 Bà: PHẠM THỊ HỒNG VÂN Năm sinh: 1983; CCCD số: 042183011968	B-02-05	Căn hộ số 2.05, Tầng 2, Lô B	60.1	65.9	1,738,517,000	20/01/2018	Sở hữu chung
32	792684212025000744	Ông: NGUYỄN VINH THÀNH Năm sinh: 1978; CCCD số: 089078006622 Bà: LỮ PHƯƠNG HÀNG Năm sinh: 1986; CCCD số: 082186002624	A-04-11	Căn hộ số 4.11, Tầng 4, Lô A	47.9	53.3	1,456,850,000	20/01/2018	Sở hữu chung